TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 11/2021/ HNGĐ - ST
Ngày: 12/01/2021
V/v chị N xin ly hôn anh S.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tư do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Nguyễn Văn Đức**;

Bà **Nguyễn Thị Hoa.**

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Hà** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội;

- *Đại diện Viện KSND huyện Q, thành phố Hà Nội* tham gia phiên toà: Bà **Bùi Thị Thủy Tiên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 234/2020/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐHPT-LH ngày 23/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị N**, sinh năm 1984.

HKTT: Thôn Đ, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Hiện ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn S**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Chị N có mặt. Anh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2020, các tài liệu khác có trong hồ sơ và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày:*

Tôi và anh Bùi Văn S tổ chức cưới vào ngày 09 tháng 5 năm 2001, khi đó tôi mới 17 tuổi chưa đủ tuổi kết hôn nên chưa đăng ký kết hôn. Đến ngày 14/8/2019 vợ chồng tôi mới lên UBND xã P đăng ký kết hôn. Trước khi cưới hai bên có tìm hiểu khoảng 02 tháng. Khi chúng tôi tìm hiểu gia đình chồng không đồng ý cho chúng tôi lấy nhau nên cả hai bỏ trốn vào Đà Lạt sinh sống như vợ chồng. Được khoảng một tháng thì hai bên gia đình vào đón về và tổ chức đám cưới cho chúng tôi. Khi tìm hiểu tôi vẫn ở nhà chưa đi làm còn anh S làm nghề tự do. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau luôn và về nhà chồng chung sống. Khi về nhà chồng, vợ chồng ở chung với bố mẹ chồng được 4 tháng thì gia đình cho vợ chồng tôi ở riêng trên ngôi nhà khác. Cưới xong tôi đi làm ở công ty may, còn anh S đi làm thợ xây. Ngay khi cưới xong hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Nguyên nhân do anh S uống rượu bê tha có những lời lẽ không hay với tôi và đánh tôi nhiều lần. Có 01 lần anh S đưa tôi ra suối rồi dìm đầu tôi xuống suối rất tàn nhẫn. Ngoài việc vợ chồng mâu thuẫn tôi sống với mẹ chồng không hợp nên mâu thuẫn với gia đình chồng dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Gia đình hai bên đã khuyên can vợ chồng nhiều nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến khoảng tháng 7 năm 2018, tôi bỏ nhà đi gần một tháng vì anh S đánh tôi. Khi đi tôi có mang theo cháu K đi cùng. Cháu K ở với tôi được một đêm sau đó tôi mang cháu về nhà chị gái tôi nhờ trông hộ. Khi đó tôi thuê nhà trọ ở Quảng Ninh, anh S biết được tin tìm tôi và ra ở cùng.

Từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2020, tôi đồng ý cho anh S có dẫn chị Nh người Quảng Ninh về ở chung với nhau như vợ chồng. Lý do tôi đồng ý là vì tôi không còn tình cảm gì với anh S nữa. Tháng 8/2020, tôi đi chợ về thấy chị Nh nói chuyện qua điện thoại kể xấu tôi nên tôi đã đuổi chị Nh đi khỏi nhà. Từ đó đến nay anh S có quan hệ với chị Nh nữa hay không tôi không quan tâm. Còn chị Nh đi đâu, có quan hệ với anh S nữa hay không thì tôi không rõ. Việc anh S sống với chị Nh như vợ chồng tại nhà tôi tôi đồng ý nên không báo chính quyền và gia đình chồng cũng không có ý kiến gì. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tôi làm đơn xin ly hôn để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Tôi và anh S có 3 con chung:

- Cháu Bùi Thị T, sinh ngày 31/01/2002. Cháu đã 18 tuổi và đã xây dựng gia đình ở riêng.

- Cháu Bùi Quỳnh A, sinh ngày 15/7/2003. Cháu đã nghỉ học và đang đi làm

nhà hàng phục vụ ăn uống, cháu tự nuôi sống bản thân.

- Cháu Bùi Tuấn K, sinh 05/01/2013, hiện đang học lớp 2 tại trường Tiểu học P. Hiện cháu đang ở với bố mẹ. Nếu được ly hôn, tôi đề nghị được nuôi cháu A, còn anh S nuôi cháu K, không bên nào phải đóng góp nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, công sức: Hai bên đã tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: không.

Bị đơn anh Bùi Văn S trình bày: Về thời gian tìm hiểu và thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng. Vợ chồng tôi sống hòa thuận đến khoảng 3 năm nay thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tôi uống rượu nhiều, khi say có nói nặng lời với chị N. Chị N đối xử với gia đình tôi không được khéo léo nên mâu thuẫn với mẹ chồng. Gia đình hai bên đã khuyên can nhiều nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện do chị N ương bướng, nhiều lời còn tôi thì hay rượu chè vui với bạn bè. Đến khoảng tháng 9 năm 2018, chị N bỏ nhà đi một tháng mang con nhờ chị ruột nuôi. Chị N bỏ nhà đi khoảng 4, 5 lần, lần nhiều thì một tháng, lần ít thì một tuần. Mỗi lần về tôi đều khuyên bảo nhưng chị N vẫn bảo thủ không chịu thay đổi.

Từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2020 chị N đồng ý và gọi chị Nh người ở Quảng Ninh về chung sống với tôi như vợ chồng. Đến tháng 8 năm 2020 hai bên xảy ra mâu thuẫn, chị Nh đã bỏ về nhà mẹ đẻ và từ đó đến nay không quan hệ gì với tôi nữa.

Khoảng 01 tháng nay vợ chồng ly thân và không quan hệ với nhau nữa. Đến nay, chị N đã làm đơn xin ly hôn xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn còn, tôi đề nghị Tòa bác đơn xin ly hôn để vợ chồng đoàn tụ. Nếu trường hợp chị N cố tình ly hôn tôi cũng đồng ý.

Về con chung: Tôi và chị N có 3 con chung như chị N đã trình bày ở trên. Hiện cháu K đang ở với tôi. Nếu phải ly hôn tôi xin nuôi cả hai cháu A và cháu K và không yêu cầu chị N đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung, công sức: Hai bên đã tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: không.

* Tại biên bản lấy lời khai của cháu Bùi Quỳnh A trình bày: "Hiện nay cháu đã đi làm tại Hòa Bình, bố mẹ cháu không ai phải nuôi cháu cả. Cháu chỉ còn mấy

tháng nữa là cháu tròn 18 tuổi, mỗi tháng cháu thu nhập được khoảng 6-7 triệu đồng, đủ nuôi bản thân cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu không ở với ai cả, cháu ở một mình và không ai phải nuôi cháu cả"

* Tại biên bản lấy lời khai của cháu Bùi Tuấn K, sinh năm 2013; cháu K trình bày: "Con Bùi Tuấn K, con ở với mẹ, con không ở với bố".

* Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày thời gian gần đây anh S đã mấy lần chặt bỏ hết quần áo của tôi và nhiều lần tìm tôi để đánh buộc tôi phải đi trốn khỏi gia đình đến nhà bạn bè ở nhờ và đề nghị Tòa giải quyết nhanh chóng để giải phóng cho tôi. Riêng về con cái tôi không đề nghị được nuôi cháu nào vì lý do chưa có chỗ ở. Việc chị Nh về ở với chồng tôi như vợ chồng là do chính tôi gọi về do tôi không còn tình cảm với anh S nữa. Gia đình chồng cũng biết nhưng không ai có ý kiến gì. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc thực hiện tố tụng của Toà án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Đinh Thị N và anh Bùi Văn S kết hôn trên tinh thần tự nguyện và đã đăng kí kết hôn ngày 14/8/2019 tại UBND xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh S thường xuyên nhiều lần uống rượu say và có những lời lẽ không hay với chị N và đánh chị N nhiều lần. Đặc biệt, từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2020, anh S có dẫn một người phụ nữ tên Nh, sinh năm 1977, người Quảng Ninh về sống với nhau như vợ chồng. Chị N cư xử với chồng và gia đình chồng không được khéo léo dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận đơn ly hôn của chị N xin ly hôn anh S để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Cháu Bùi Thị T, sinh ngày 31/1/2002 đã trưởng thành và xây dựng gia đình. Cháu Bùi Quỳnh A, sinh ngày 15/7/2003 đã nghỉ học và đang đi làm nhà hàng phục vụ ăn uống, tự nuôi sống bản thân. Cháu Bùi Tuấn K, sinh 05/01/2013, hiện đang học lớp 2. Nay ly hôn chị N đề nghị được nuôi cháu A nhưng do chưa có nơi ăn chốn ở; Anh S đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị N đóng góp phí tổn nuôi con là phù hợp nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu đó của anh S.

+Về tài sản chung, công sức: Hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có.

+Về án phí: Chị N chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. .

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]*Về tố tụng*: Anh Bùi Văn S có Hộ khẩu thường trú và nơi ở tại thôn Đ, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội nên căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Toà án nhân dân huyện Q.

[2]*Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do anh S thường xuyên rượu chè bê tha và có những lời lẽ không hay với chị N và hay đánh chị N nhiều lần dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đặc biệt từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2020, anh S ăn ở với Nh người Quảng Ninh như vợ chồng là vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng dẫn đến vợ chồng đã mâu thuẫn nay càng căng thẳng.

Tại phiên toà hôm nay, chị N kiên quyết xin ly hôn do vợ chồng không còn tình cảm; HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh S là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử chị Đinh Thị N ly hôn anh Bùi Văn S.

Về con chung: Chị Đinh Thị N và anh Bùi Văn S có 03 con chung là. Cháu Bùi Thị T, sinh ngày 31/1/2002. Cháu đã trưởng thành và xây dựng gia đình. Cháu Bùi Quỳnh A, sinh ngày 15/7/2003. Cháu đã nghỉ học và đang đi làm nhà hàng

phục vụ ăn uống, cháu tự nuôi sống bản thân được. Cháu Bùi Tuấn K, sinh 05/1/2013, còn nhỏ đang đi học. Vì cháu T đã trưởng thành; cháu A đã tự đi làm và tự nuôi sống bản thân. Cháu K có nguyện vọng ở với mẹ. Nhưng chị N không có chỗ ăn ở với lại chị N không có nguyện vọng nuôi cháu K nên giao anh S nuôi cháu K và cháu A cho đến khi trưởng thành hoặc khi có Quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp nuôi con cho chị N cho đến khi có Quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức: Hai vợ chồng tự giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Không.

Về án phí : Chị Đinh Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử : Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị N đối với anh Bùi Văn S.

1. **Về hôn nhân:** Chị **Đinh Thị N** ly hôn anh **Bùi Văn S.**

Về con chung:Chị Đinh Thị N và anh Bùi Văn S có 03 con chung là cháu Bùi Thị T, sinh ngày 31/1/2002. Cháu đã trưởng thành và xây dựng gia đình. Cháu Bùi Quỳnh A, sinh ngày 15/7/2003 đã tự nuôi được bản thân; Cháu Bùi Tuấn K, sinh 05/1/2013, còn nhỏ đang đi học. Giao cháu Bùi Quỳnh A và cháu Bùi Tuấn K cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng các cháu cho đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định tahy đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp nuôi con cho chị N cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị N được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

2. Về tài sản chung, công sức chung:

Hai bên đã tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011311 ngày 19/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản sao bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKS ND huyện Q;*
- *THA DS huyện Q;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Thanh